

ĐÁNH GIÁ VỀ CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP TẬN DỤNG CƠ HỘI ĐỐI TỪ EVFTA VÀ EVIPA CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

Trong bối cảnh kinh tế thế giới vốn đã và đang tiếp tục có những biến đổi phức tạp, đặc biệt là từ đầu năm 2020 lại phải tiếp tục hứng chịu thêm những khó khăn mới, diễn biến rất nhanh và chưa từng có tiền lệ do Đại dịch Covid-19 toàn cầu mang lại, kinh tế Việt Nam nói chung và đầu tư nước ngoài nói riêng đang tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức phức tạp. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo sát sao, điều hành linh hoạt, chủ động, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đến nay về cơ bản, nước ta đã vượt qua những khó khăn, ban đầu về kiểm soát dịch bệnh, ổn định an sinh xã hội để tập trung thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tái đầu tư, phát triển kinh tế.

Đặc biệt, trong giai đoạn từ đầu năm 2020 đến nay, Việt Nam đã hoàn thành việc ký kết và tới đây Quốc hội sẽ phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do (EVFTA), Hiệp định Bảo hộ đầu tư Việt Nam (EVIPA) với Liên minh Châu Âu, là một điểm sáng cho thấy những nỗ lực, cố gắng và quyết tâm chính trị rất cao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và toàn bộ hệ thống chính trị, hứa hẹn mang lại nhiều cơ hội cho phát triển thương mại - đầu tư của Việt Nam, trước mắt góp phần tháo gỡ khó khăn cho phát triển kinh tế trong bối cảnh mới và về lâu dài, sẽ tiếp tục thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, đóng góp tích cực cho công cuộc đổi mới và hiện đại hóa đất nước.

Bên cạnh Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), các Hiệp định EVFTA, EVIPA là những hiệp định thương mại - đầu tư thế hệ mới quan trọng mà Việt Nam tham gia. Hơn nữa các Hiệp định được ký kết và tiến tới có hiệu lực trong bối cảnh quan hệ song phương Việt Nam - Liên minh châu Âu (EU) ngày càng phát triển tốt đẹp, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế - thương mại. EU hiện đang là một trong những đối tác hàng đầu của Việt Nam. Quan hệ thương mại Việt Nam - EU đã phát triển rất nhanh chóng và hiệu quả trong một thập kỷ vừa qua, từ năm 2009 đến năm 2019, kim ngạch thương mại Việt Nam - EU đã tăng hơn 13,7 lần, từ mức 4,1 tỷ USD năm 2000 lên 56,45 tỷ USD năm 2019; trong đó xuất khẩu của Việt Nam vào EU tăng 14,8 lần (từ 2,8 tỷ USD lên 41,54 tỷ USD) và nhập khẩu vào Việt Nam từ EU tăng hơn 11,4 lần (1,3 tỷ USD lên 14,90 tỷ USD).

I. Tác động của EVFTA và EVIPA tới các mặt của nền kinh tế

Bên cạnh những tác động tích cực và rõ rệt về mặt kinh tế và cải cách pháp luật - thể chế theo hướng tiệm cận với chuẩn mực quốc tế, với những cam kết đã đạt được, các Hiệp định dự kiến cũng sẽ tác động trực tiếp đến các lĩnh vực trụ cột của nền kinh tế, mang lại cả cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam.

1. Cơ hội

1.1. Đối với tăng trưởng chung

Theo đánh giá định lượng ban đầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư khi chưa tính đến tác động của Đại dịch Covid - 19: Trong ngắn hạn (giai đoạn 2019 - 2021), GDP của Việt Nam sẽ có thể tăng thêm từ 0,28% đến 0,63%/năm dưới tác động của tăng trưởng thương mại do các Hiệp định trên. Trong trung hạn (giai đoạn 2022 - 2024), việc cắt giảm các hàng rào phi thuế quan (NTB) và gia tăng dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam có tác động nổi trội đến tăng trưởng GDP (dự kiến tăng thêm từ 1,24% đến 2,02%/năm). Trong dài hạn (giai đoạn 2025 - 2030), việc cắt giảm NTB, gia tăng dòng vốn FDI vào Việt Nam và sự cải thiện năng suất sẽ có thể giúp GDP của Việt Nam tăng thêm từ 3,53% đến 4,37%/năm.

1.2. Đối với thương mại

Về xuất khẩu, thực tế thời gian qua, doanh nghiệp trong nước còn gặp nhiều khó khăn tại thị trường Châu Âu do cạnh tranh đến từ các nền kinh tế khác trên thế giới. Vì vậy, thị phần hàng hóa của Việt Nam tại EU còn khiêm tốn. Trong khi đó, EU là thị trường nhập khẩu lớn thứ 2 thế giới. Hàng năm, EU nhập khẩu khoảng 2.338 tỷ USD, trong khi thị phần xuất khẩu của Việt Nam ở EU khoảng 2% với chỉ hơn 42% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU được hưởng mức thuế 0% theo Chương trình ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP).

Do vậy, với những cam kết mở cửa thị trường mạnh mẽ, cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu lên tới gần 100% biểu thuế của EU, EVFTA dự kiến sẽ giúp xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam sang EU tăng thêm khoảng 42,7% vào năm 2025 và 44,37% vào năm 2030 so với không có Hiệp định. Xét về tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam ra thế giới, dự kiến kim ngạch của Việt Nam sẽ tăng trung bình 5,21 - 8,17% (cho giai đoạn 05 năm đầu thực hiện), 11,12 - 15,27% (cho giai đoạn 05 năm tiếp theo) và 17,98 - 21,95% (cho giai đoạn 05 năm sau đó).

Dự báo, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của một số ngành sang EU như sau:

- Nhóm hàng nông sản: gạo (tăng thêm 65% vào năm 2025), đường (8%), thịt lợn (4%), lâm sản (3%), thịt gia súc gia cầm (4%), đồ uống và thuốc lá (5%).

- Nhóm ngành chế biến chế tạo tăng: dệt (67%), may mặc (81%), da giày (99%).

- Nhóm ngành dịch vụ tăng: vận tải thủy (100%), vận tải hàng không (141%), tài chính và bảo hiểm (21%), các dịch vụ phục vụ kinh doanh khác (80%).

Về nhập khẩu, doanh nghiệp Việt Nam cũng sẽ được lợi từ nguồn hàng hóa, nguyên liệu nhập khẩu với chất lượng tốt và ổn định với mức giá hợp lý hơn từ EU, đặc biệt là nguồn máy móc, thiết bị, công nghệ/kỹ thuật cao từ các nước EU sẽ giúp nâng cao năng suất và cải thiện chất lượng sản phẩm của ta. Ngoài ra, khi hàng hóa, dịch vụ từ EU nhập khẩu vào Việt Nam sẽ tạo ra một sức ép cạnh tranh để doanh nghiệp Việt Nam nỗ lực cải thiện năng lực cạnh tranh.

Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhập khẩu của Việt Nam từ EU sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực dự kiến sẽ tăng khoảng 33,06% vào năm 2025 và 36,7% vào năm 2030.

Nhóm hàng được dự báo tăng nhập khẩu nhiều nhất từ EU là phương tiện và thiết bị vận tải, chiếm khoảng 12% tổng giá trị nhập khẩu tăng thêm, nhóm hàng máy móc thiết bị (10%), dệt may và điện thoại và linh kiện điện tử (6% -7%), nông, lâm, thủy sản (5%).

Xét về tổng thể, EVFTA sẽ góp phần giúp đa dạng hóa thị trường của ta để không bị phụ thuộc quá nhiều vào một thị trường nào, từ đó giúp bảo đảm an ninh kinh tế của Việt Nam.

1.3. Đối với đầu tư nước ngoài

Trong bối cảnh xu hướng dịch chuyển đầu tư ngày càng rõ nét trên toàn cầu, Hiệp định EVIPA và EVFTA sẽ góp phần tăng tính hấp dẫn của môi trường đầu tư Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút dòng vốn đầu tư đang chuyển hướng, đồng thời hạn chế việc suy giảm nguồn vốn FDI theo xu hướng chung của thế giới.

Các cam kết về thuận lợi hóa đầu tư cùng với mức độ tự do hóa các ngành dịch vụ của Việt Nam dành cho các nhà cung cấp dịch vụ của EU tăng lên, đặc biệt là dịch vụ kinh doanh, dịch vụ môi trường, dịch vụ bưu chính, ngân hàng, bảo hiểm, vận tải biển. Điều này sẽ thúc đẩy dòng vốn FDI từ EU vào Việt Nam tăng trong thời gian tới.

Cùng với những cam kết về mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ, đầu tư theo Hiệp định EVFTA, việc thực thi Hiệp định EVIPA sẽ tạo môi trường thuận lợi để Việt Nam đẩy mạnh thu hút đầu tư trong một số lĩnh vực mà EU có tiềm năng và thế mạnh do mức độ tự do hóa đầu tư của EU vào Việt Nam sẽ được tăng thêm theo quy định của 2 Hiệp định này, đặc biệt là trong một số ngành dịch vụ chuyên môn, dịch vụ môi trường, dịch vụ bưu chính, dịch vụ tài chính, dịch vụ ngân hàng, dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ vận tải biển, dịch vụ viễn thông, dịch vụ phân phối. Điều này sẽ thúc đẩy dòng vốn FDI từ EU vào Việt Nam trong thời gian tới, không chỉ trong các ngành nêu trên mà còn trong nhiều ngành EU có thế mạnh như: công nghiệp chế biến, chế tạo sử dụng công nghệ cao, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

Bên cạnh đó, việc thực thi các nghĩa vụ theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định EVIPA sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có thể xác lập và bảo vệ thành quả đầu tư cho hoạt động sáng tạo, từ sáng tạo đổi mới công nghệ, mẫu mã, bao bì đến nhãn hiệu sản phẩm và dịch vụ một cách thuận lợi hơn. Điều này sẽ tạo môi trường tốt cho việc thu hút ĐTNN, nhận chuyển giao công nghệ của nước ngoài để nâng cao chất lượng sản phẩm của Việt Nam trong ngắn hạn và tạo điều kiện từng bước nâng cao năng lực công nghệ nội sinh của Việt Nam trong dài hạn.

Mặt khác, quy tắc xuất xứ trong Hiệp định EVFTA được quy định chặt chẽ hơn sẽ thúc đẩy nhà đầu tư nước ngoài tăng cường đầu tư vào sản xuất hàng hóa tại Việt Nam để tận dụng lợi thế về tiếp cận thị trường EU của Việt Nam, giúp nâng cao vị thế của Việt Nam trong các chuỗi giá trị toàn cầu.

Dự kiến dòng vốn FDI vào Việt Nam sẽ gia tăng không chỉ từ các nước thành viên EU tìm kiếm cơ hội tiếp cận thị trường Việt Nam, và thông qua Việt Nam tiếp cận thị trường các nước ASEAN khác, mà còn từ các nhà đầu tư các nước khác tìm kiếm cơ hội thông qua Việt Nam tiếp cận thị trường EU.

Về chất lượng đầu tư, với EVFTA và EVIPA, đầu tư từ các đối tác có nguồn gốc từ các nước phát triển trong EU sẽ tăng, kỳ vọng giúp cải thiện đáng kể chất lượng đầu tư (về vốn, về công nghệ, về kinh nghiệm quản trị), có thể góp phần hỗ trợ phát triển khu vực kinh tế trong nước. Thông qua liên kết sản xuất với doanh nghiệp có vốn đầu tư của EU, doanh nghiệp trong nước sẽ có cơ hội tham gia vào chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng của EU và toàn cầu, được chuyển giao công nghệ, kỹ năng, qua đó sẽ nhận được tác động lan tỏa về công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, góp phần tăng sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế.

1.4. Đối với một số ngành cụ thể

Bên cạnh các tác động chung tới các khía cạnh khác nhau của nền kinh tế, các Hiệp định cũng có các tác động khác nhau đối với các ngành do mức độ mở cửa, lợi thế cạnh tranh, năng lực của từng ngành là khác nhau.

- Ngành thủy sản: EVFTA sẽ đem lại tiềm năng thị trường lớn cho xuất khẩu thủy sản Việt Nam. Tuy nhiên, những khó khăn trong cả ngắn và dài hạn (chủ động được nguồn nguyên liệu, con giống, chống đánh bắt cá bất hợp pháp, giải quyết vấn đề hóa chất kháng sinh trong sản phẩm thủy sản) và hàng rào phi thuế quan khá cao từ EU là những thách thức rất lớn. Dự kiến xuất khẩu mặt hàng này vào EU sẽ tăng với tốc độ trung bình 2%/năm trong giai đoạn 2020 - 2030, trong khi nhập khẩu từ EU có thể tăng cao hơn (trong khoảng 2,8% - 5%).

- Ngành dệt may: Dự báo kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may vào thị trường EU sẽ tăng nhanh với mức khoảng 67% đến năm 2025 so với kịch bản không có Hiệp định. Về sản lượng, nhìn chung EVFTA có tác động tích cực tới sản lượng với tốc độ tăng 6% (với ngành dệt) và 14% (với ngành may) vào năm 2030.

- Ngành da giày: Hiệp định khi có hiệu lực sẽ góp phần làm gia tăng đáng kể xuất khẩu giày da vào EU. Tốc độ tăng xuất khẩu vào EU dự báo sẽ gấp đôi vào 2025, và tổng xuất khẩu giày da cũng sẽ tăng khoảng 34%, sản lượng của toàn ngành tăng ở mức 31,8%.

- Ngành điện tử, máy vi tính: Theo biểu thuế hiện hành của EU thì thuế nhập khẩu đối với mặt hàng máy tính điện tử (máy vi tính), sản phẩm điện tử (hàng tiêu dùng cuối cùng) hầu hết có thuế suất bằng 0%, hoặc thuế suất dưới 10% nên khi EVFTA có hiệu lực sẽ tác động không đáng kể tới xuất khẩu từ Việt Nam. Tuy vậy, EVFTA và EVIPA cũng là động lực để thu hút FDI từ EU và các nước khác vào Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp phụ trợ trong nước chưa phát triển và chiến lược thu hút FDI của Việt Nam tập trung vào phát triển ngành công nghiệp công nghệ cao.

- Ngành máy móc, phụ tùng: Việt Nam là nước nhập khẩu lớn đối với mặt hàng máy móc thiết bị, trong khi đó EU là khu vực có thế mạnh về mặt hàng máy móc thiết bị và là thị trường nhập khẩu lớn thứ tư của Việt Nam đối với mặt hàng này. Do vậy, việc Việt Nam dỡ bỏ thuế nhập khẩu đối với mặt hàng máy móc thiết bị từ EU sẽ thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nhập khẩu của Việt Nam theo hướng tích cực hơn, tạo cơ hội để Việt Nam cải thiện công nghệ sản xuất trong nước.

2. Thách thức

2.1. Sức ép cạnh tranh tại thị trường trong nước

Năng lực và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam còn yếu, khả năng hấp thụ công nghệ còn hạn chế, thường gặp nhiều khó khăn trong việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Thực tế này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát huy tác động lan tỏa về năng suất, công nghệ khi thu hút đầu tư từ EU.

Việc mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ và đầu tư, tạo cơ hội để các nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận rộng rãi hơn với thị trường Việt Nam. Điều này sẽ đặt các doanh nghiệp Việt Nam trước sức ép cạnh tranh lớn hơn ngay tại thị trường trong nước.

Tuy nhiên, đây là sức ép cạnh tranh lành mạnh, có chọn lọc và theo lộ trình phù hợp. Quan trọng hơn, do cơ cấu kinh tế của EU và Việt Nam mang tính bổ sung rất cao, nên dự kiến sức ép cạnh tranh sẽ không lớn. Ngoài ra, cam kết mở cửa của Việt Nam là có lộ trình, đặc biệt đối với những nhóm sản phẩm nhạy cảm, nên EVFTA cũng là cơ hội, sức ép hợp lý để các doanh nghiệp Việt Nam điều chỉnh, thay đổi phương thức kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của mình.

2.2. Sức ép cạnh tranh tại thị trường EU

Thứ nhất, doanh nghiệp có thể gặp phải khó khăn khi đáp ứng các yêu cầu về quy tắc xuất xứ trong Hiệp định EVFTA. Để hàng hóa được hưởng ưu đãi thuế quan theo FTA thì nguyên liệu phải có xuất xứ tại EU và/hoặc Việt Nam theo một tỷ lệ nhất định. Đây là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam bởi nguồn nguyên liệu cho sản xuất một số mặt hàng xuất khẩu hiện nay chủ yếu được nhập khẩu từ Trung Quốc hoặc ASEAN.

Thứ hai, EU là một thị trường có yêu cầu rất cao về chất lượng sản phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm, dán nhãn, môi trường... Do đó, doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải nỗ lực rất nhiều trong việc cải thiện chất lượng hàng hóa để có thể tiếp cận được với thị trường tại EU.

Thứ ba, EU cũng là một trong những thị trường có “truyền thống” sử dụng các công cụ, biện pháp như chống bán phá giá, chống trợ cấp hay tự vệ để bảo vệ ngành sản xuất nội địa. Do đó, nguy cơ về việc các hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam bị áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại là khá lớn.

Thứ tư, trong Hiệp định EVFTA, hai bên cam kết theo đuổi phát triển bền vững, bao gồm phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Đây là những vấn đề mà EU rất quan tâm, do đó, doanh nghiệp Việt Nam cần đặc biệt lưu ý tới những cam kết này.

2.2. Yêu cầu tiếp tục cải cách - hoàn thiện thể chế - pháp luật

Thực hiện đầy đủ các quy định của EVIPA và EVFTA đòi hỏi Việt Nam cần tiếp tục tăng cường công tác cải cách - hoàn thiện hệ thống pháp lý. Chúng ta có thuận lợi là Việt Nam đang trong quá trình thúc đẩy cải cách nhiều năm qua và đạt những kết quả rất tích cực. Ngay từ trước khi ký kết EVIPA, EVFTA, Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành phối hợp với Bộ Tư pháp khẩn trương rà soát các quy định hiện hành trong các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi phụ trách để từ đó đề xuất hướng sửa đổi, bổ sung hoặc hình thức áp dụng phù hợp nhằm đảm bảo phù hợp với các yêu cầu của EVIPA, EVFTA.

II. Giải pháp giúp doanh nghiệp Việt Nam tận dụng cơ hội

Những cơ hội và thách thức nêu trên đòi hỏi Nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp phải thực hiện những giải pháp đồng bộ, toàn diện để có thể phát huy tối đa những lợi ích từ Hiệp định EVIPA và EVFTA, cụ thể là:

1. Đối với Nhà nước

1.1. Nhóm giải pháp về tăng cường công tác xây dựng pháp luật, thể chế để thực thi các Hiệp định

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư kinh doanh theo hướng đơn giản hóa, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho hoạt động đầu tư và kinh doanh của người dân và doanh nghiệp, đồng thời hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thu hút khu vực tư nhân tham gia đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng và cung cấp dịch vụ công;

- Kiên trì thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh trong Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019, định hướng đến năm 2021; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/05/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020;

- Đơn giản hóa và minh bạch hóa điều kiện gia nhập thị trường cho các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thông qua việc cắt giảm các điều kiện đầu tư kinh doanh nói chung và điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài nói riêng;

- Tăng cường giám sát thực thi ở cấp cơ sở để đảm bảo các chính sách tiến bộ về cải thiện môi trường kinh doanh được triển khai có hiệu quả trên thực tế.

1.2. Nhóm giải pháp về nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực "hấp thu cơ hội" của nền kinh tế Việt Nam

- Tiếp tục phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ logistics;

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao;

- Hoàn thiện các thiết chế liên quan đến quan hệ lao động, giải quyết tranh chấp lao động một cách chuyên nghiệp, hiệu quả để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được ổn định, bền vững;

- Cải thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về sản phẩm, môi trường, tài nguyên phù hợp với tiêu chuẩn của khu vực và thế giới để tạo cơ sở pháp lý cho việc thu hút các dự án đầu tư chất lượng cao, hỗ trợ cho sự phát triển của doanh nghiệp Việt Nam và bảo vệ người tiêu dùng;

- Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, triển khai các biện pháp cải thiện, nâng cao năng suất lao động tại các doanh nghiệp và các ngành sản xuất;

- Tăng cường các biện pháp, cơ chế khuyến khích và định hướng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài liên kết với doanh nghiệp nội địa trong việc hình thành và phát triển chuỗi cung ứng.

1.3. Nhóm giải pháp kiểm soát, phòng ngừa tranh chấp:

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật để bảo đảm tính nhất quán, đồng bộ, công bằng, minh bạch, không phân biệt đối xử;

- Nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật và giám sát thi hành pháp luật để đảm bảo pháp luật được thực hiện đúng về nội dung, về trình tự thủ tục và về thời hạn nhằm hạn chế tranh chấp phát sinh với nhà đầu tư nước ngoài;

- Nâng cao hiệu quả công tác hỗ trợ sau đầu tư, giải quyết có hiệu quả những khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư, tránh phát sinh thành mâu thuẫn, tranh chấp giữa nhà đầu tư và cơ quan nhà nước;

- Nâng cao hiệu quả hoạt động giải quyết tranh chấp tại trọng tài, tòa án và hoạt động thi hành phán quyết trọng tài;

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ chế cảnh báo sớm để phòng ngừa tranh chấp đầu tư.

2. Đối với doanh nghiệp

Để tận dụng được những cơ hội mà EVFTA, EVIPA mang lại, bên cạnh những biện pháp từ phía Nhà nước, các doanh nghiệp cũng cần phải chủ động nỗ lực nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao sức cạnh tranh, tận dụng đối xử ưu đãi mà Việt Nam đạt được thông qua EVIPA và EVFTA.

Điều kiện tiên quyết phải có là khao khát phát triển và sự chủ động thay đổi xuất phát từ nội tại doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần thay đổi tư duy kinh doanh, lấy sức ép về cạnh tranh là động lực để đổi mới và phát triển, chủ động thích ứng với những thay đổi môi trường kinh doanh do quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mang lại. Mặt khác, phải tôn trọng và cam kết thương hiệu, hàng hoá giữa các doanh nghiệp với nhau và với bạn hàng nói chung, đặc biệt là đối tác EU nói riêng. Chủ động nỗ lực tham gia chuỗi cung ứng, qua đó, thúc đẩy quá trình hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau.

Song hành với công tác thay đổi tư duy, các doanh nghiệp cần chủ động đổi mới, đầu tư nâng cao trình độ khoa học - kỹ thuật, nâng cao trình độ quản trị, chất lượng nguồn nhân lực; chú trọng xây dựng, phát triển thương hiệu và xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn; nâng cao năng lực tiếp cận thị trường, xúc tiến thương mại, dịch vụ phục vụ cho công tác tiêu thụ sản phẩm và xuất khẩu; nâng suất lao động nhằm nâng cao năng lực "hấp thu" các ưu đãi, cơ hội do EVIPA và EVFTA mang lại.

Trong đó, cần đặc biệt chú trọng việc thực hiện chuẩn hóa quy trình sản xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn sản xuất, lao động, xuất xứ, nguyên phụ liệu, an toàn vệ sinh thực phẩm, minh bạch thông tin, môi trường sản xuất... để đảm bảo sản phẩm đáp ứng yêu cầu rất cao của EU về quy tắc xuất xứ và về tiêu chuẩn kỹ thuật. Nhất là các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông sản thực phẩm, do sản phẩm của doanh nghiệp Việt trong lĩnh vực này về cơ bản chưa được người tiêu dùng EU biết đến, chưa tạo được uy tín đáng kể.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng cần chủ động tìm hiểu và nắm vững các quy định của EVFTA và EVIPA, trong đó cần lưu ý tập trung nắm vững các ưu đãi thuế quan đối với những mặt hàng ta đang có thế mạnh hoặc có tiềm năng xuất khẩu.

Mặt khác, doanh nghiệp cần chủ động theo dõi tình hình thị trường, giá cả, các điều kiện trong giao thương để chủ động ứng phó với các vụ kiện về phòng vệ thương mại.

Việc kết thúc đàm phán, ký kết và tiến tới phê chuẩn các Hiệp định EVFTA và EVIPA là một chặng đường dài với sự nỗ lực, cố gắng và phối hợp nhịp nhàng và hiệu quả giữa các cấp, các ngành với mục tiêu nâng mối quan hệ thương mại song phương Việt Nam - Liên minh châu Âu lên một tầm cao mới nói riêng và thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam nói chung, góp phần vào công cuộc đổi mới và hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, đây mới là thành công bước đầu của cuộc hành trình. Để tận dụng được hiệu quả những cơ hội do EVFTA và EVIPA đem lại, cả các Bộ ngành và doanh nghiệp sẽ phải tiếp tục đồng hành, hỗ trợ và nỗ lực không ngừng trong việc triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp trong suốt quá trình thực thi các Hiệp định trong thời gian tới./.